

Kh. a ḥ c : Ḷ p ḥ c : 36CLC-CD Ṇm ḥ c : 2013-2014 ̣ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H c k8 : HK01

STT	Mã S´	L, P SV	Hĩ Vê TạN	NGÀY SINH	ậ IqM THê NH PHêN						TBC	QUY TS: 30%	ậ IqM THI	QUY TS : 70%	ậ IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671040641	36CLC-CĐ	ậ ỗ Gia Bỗ	26/07/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
2	3671040560	36CLC-CĐ	Trợng Thanh Bình	18/06/1994				7.0	8.0		7.5	2.3	4.0	2.8	5.1	
3	3671041110	36CLC-CĐ	Nguy, n H, u Cỗnh	07/10/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
4	3671040058	36CLC-CĐ	ậ ỗ Nguy°n Cát	28/08/1994				5.0	6.0		5.5	1.7	8.0	5.6	7.3	
5	3671041188	36CLC-CĐ	Nguy, n Vỗn Cỗng	22/10/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N' HP
6	3671041895	36CLC-CĐ	Trỗn Khỗĩ Cỗng	21/05/1993				4.0	5.0		4.5	1.4	0.5	0.4	1.7	
7	3671040372	36CLC-CĐ	Nguy, n T'ng Chinh	27/12/1994				5.0	5.0		5.0	1.5	5.5	3.9	5.4	
8	3671040068	36CLC-CĐ	Trỗn Vỗn DuỖ	06/02/1994				6.0	7.0		6.5	2.0	1.0	0.7	2.7	
9	3671040702	36CLC-CĐ	Nguy, n Tiỗĩ Dỗng	16/08/1993				4.0	6.0		5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	
10	3671041133	36CLC-CĐ	Trỗn Anh Dỗng	03/10/1994				7.0	8.0		7.5	2.3	3.5	2.5	4.7	
11	3671040237	36CLC-CĐ	Lê Thanh Hỗĩ	12/01/1994				7.0	8.0		7.5	2.3	4.5	3.2	5.4	
12	3671040857	36CLC-CĐ	Vỗ Sỗn Hỗĩ	14/08/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N' HP
13	3571010143	36CLC-CĐ	Nguy, n Thanh Hoàng	05/03/1993				6.0	7.0		6.5	2.0	6.5	4.6	6.5	
14	3671040736	36CLC-CĐ	Tỗ Vỗn Hỏa	01/10/1993				3.0	5.0		4.0	1.2	2.5	1.8	3.0	
15	3671041641	36CLC-CĐ	Phỗ Sỗn Hùng	02/04/1994				7.0	8.0		7.5	2.3	8.5	6.0	8.2	
16	3671040043	36CLC-CĐ	Nguy, n Anh Kĩ' t	14/10/1994				9.0	9.0		9.0	2.7	1.0	0.7	3.4	
17	3671040997	36CLC-CĐ	Bùi Duy Khỏnh	23/07/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
18	3671041997	36CLC-CĐ	Phỗ Mỗc Quang Khuê	13/08/1994				7.0	8.0		7.5	2.3	1.0	0.7	3.0	
19	3671041948	36CLC-CĐ	Nguy, n ỗ c Linh	18/03/1994				5.0	6.0		5.5	1.7	0.5	0.4	2.0	

Kh. a ḥ c :	Ḷ p ḥ c : 36CLC-CD	Ṇm ḥ c : 2013-2014	ṇ VHT : 2 (30,0,0,0,0,0)
Ḥ ṇ T :	Ḥ c phFn : 131017200904 - Tḥ y ḷ c ị Tḥ y ṿ ḷ n	Ḥ c k8 : HK01	

STT	Mã S	L P SV	H Vê TqN	NGÀY SINH	q IqM THê NH PHêN						TBC	QUY TS: 30%	q IqM THI	QUY TS : 70%	q IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671040193	36CLC-CĐ	PhêM L i	19/03/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
21	3671040535	36CLC-CĐ	Nguy n Nhê Minh	09/04/1994				5.0	6.0		5.5	1.7	1.0	0.7	2.3	
22	3671041956	36CLC-CĐ	Nguy n H u Nam	08/11/1994				7.0	8.0		7.5	2.3	3.0	2.1	4.4	
23	3671040078	36CLC-CĐ	Trêh n ³nh Nam	29/12/1994				5.0	6.0		5.5	1.7	4.0	2.8	4.4	
24	3671040690	36CLC-CĐ	Trêh Hi/Ji Nhàn	29/04/1994				6.0	7.0		6.5	2.0	0.0	0.0	2.0	
25	3671041850	36CLC-CĐ	B½ L° Tuêh Phong	07/01/1994				7.0	8.0		7.5	2.3	5.0	3.5	5.8	
26	3671041572	36CLC-CĐ	Nguy n Ho ng Phêc	20/02/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
27	3671040386	36CLC-CĐ	Nguy n Minh Quang	14/07/1994				3.0	5.0		4.0	1.2	5.5	3.9	5.1	
28	3671040350	36CLC-CĐ	Ph½ng Vêh Sang	25/04/1994				6.0	7.0		6.5	2.0	0.0	0.0	2.0	
29	3671040284	36CLC-CĐ	Nguy n Ti/Jh S:	09/01/1994				6.0	7.0		6.5	2.0	1.0	0.7	2.7	
30	3671040197	36CLC-CĐ	Nguy n Têh Têh	19/03/1994				5.0	6.0		5.5	1.7	1.0	0.7	2.3	
31	3671040457	36CLC-CĐ	H° C¹ ng Tuêh	13/10/1994				4.0	6.0		5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	N HP
32	3571010004	35CLC1-CĐ	PhêM Minh Tuêh	29/07/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
33	3671041906	36CLC-CĐ	Nguy n C¹ ng Thanh	02/12/1993				7.0	8.0		7.5	2.3	0.0	0.0	2.3	
34	3671041602	36CLC-CĐ	Trêh Ng c Thành	23/08/1994				6.0	7.0		6.5	2.0	0.0	0.0	2.0	
35	3671041945	36CLC-CĐ	L° Ti/Jh Thêh	20/06/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.5	0.4	0.4	N HP
36	3671041131	36CLC-CĐ	Nguy n Minh Trai	00/01/1900				5.0	6.0		5.5	1.7	2.5	1.8	3.4	
37	3671040959	36CLC-CĐ	Lê Công Trê u	14/05/1994				4.0	6.0		5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	

T' ng s' : 37 h` c sinh sinh vi°n

Tp.HCM, ngày / /

TrE ng Khoa

Gi§o Vi°n B, M¹ n

Gi§o V., Khoa